

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA  
ILA JOINT STOCK COMPANY

-----

Số: 47/2021/CBTT-ILA  
No: 47/2021/CBTT-ILA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2021  
Ho Chi Minh City, day 22 month 11 year 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
*To: The State Securities Commission*  
*Hanoi Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần ILA  
- Mã chứng khoán/*Stock code*: ILA  
- Địa chỉ/*Address*: CH6, Tầng trệt lửng, Tòa nhà Sky Center, 5B Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.  
- Điện thoại liên hệ/*Tel*: 0869 265 299  
- E-mail: [info@ilagroup.com.vn](mailto:info@ilagroup.com.vn)  
- Loại công bố thông tin  24 giờ  72 giờ  Bất thường  theo yêu cầu  Định kỳ
- Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:  
- Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2021 đã được soát xét.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/11/2021 tại đường dẫn [ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/bao-cao-tai-chinh-17.htm](http://ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/bao-cao-tai-chinh-17.htm)/ *This information was published on the company's website on 22/11/2021, as in the link [ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/bao-cao-tai-chinh-17.htm](http://ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/bao-cao-tai-chinh-17.htm):*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Người được ủy quyền công bố thông tin

Tài liệu đính kèm/*Attached documents*:

- BCTC hợp nhất



ĐẠNG XUÂN HỮU



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ILA**

# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	Trang	351 CỘ T M T I V U I AN I GP 7 P
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-03	
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	04-05	
3. BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	06-09	
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10	
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11-12	
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13-41	

---

## CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Ban Tổng Giám đốc công ty trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021.

### 1. Thông tin chung về công ty

#### Thành lập

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/09/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/03/2018. Công ty Cổ phần ILA tăng vốn điều lệ lên 169.999.930.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2018. Công ty Cổ phần ILA thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 29/10/2021.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

#### Hoạt động chính của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê.

**Trụ sở chính:** Số 20 Đường 20, Khu phố 2, Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM.

**Địa chỉ giao dịch:** CH16, Tầng trệt lửng, Tòa nhà Sky Center, 5B Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Thân Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	29/08/2018	16/11/2021
Ông Lê Công Hoàng	Chủ tịch HĐQT	16/11/2021	
Ông Võ Xuân Phong	Phó Chủ tịch HĐQT	23/04/2021	02/11/2021
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên	23/04/2021	01/10/2021
Ông Tạ Ngọc Bích	Thành viên	06/07/2018	23/04/2021
Ông Đặng Xuân Hữu	Thành viên	16/06/2017	16/11/2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên	15/09/2018	23/04/2021
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	29/06/2020	18/05/2021
Ông Trần Đức Anh	Thành viên	16/11/2021	
Ông Hồ Viết Ánh	Thành viên	16/11/2021	
Ông Cao Xuân Phương	Thành viên	16/11/2021	
Bà Nguyễn Thị Châu Úc	Thành viên	16/11/2021	

## CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Ban Kiểm soát		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Trưởng ban	20/04/2019	16/11/2021
Bà Hoàng Diệu My	Trưởng ban	16/11/2021	
Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Thành viên	23/02/2018	16/11/2021
Ông Bùi Bảo Khánh Duy	Thành viên	30/11/2016	16/11/2021
Bà Bùi Thị Kim Phượng	Thành viên	16/11/2021	
Ông Nguyễn Phước Thành Nhân	Thành viên	16/11/2021	
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Tạ Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	20/06/2021	08/06/2021
Bà Trần Thị Thu Hà	Tổng Giám đốc	08/06/2021	05/10/2021
Ông Trần Đức Anh	Tổng Giám đốc	28/10/2021	
Ông Võ Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	09/12/2020	31/05/2021
Ông Đặng Xuân Hữu	Phó Tổng Giám đốc	17/09/2018	
Ông Nguyễn Thái Hải	Phó Tổng Giám đốc	06/05/2019	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Kế toán trưởng		

#### Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là Ông Trần Đức Anh - Tổng Giám đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất ngày 29/10/2021.

#### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021.

#### 5. Thông tin khác

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang thực hiện việc tái cấu trúc Công ty để hoàn thành các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông bất thường tổ chức ngày 16/11/2021:

+ Thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty về 620 Phạm Văn Đồng, Khu phố 3, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh;

+ Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021;

+ Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Cát. Số lượng cổ phiếu chào bán là 17.000.000 cổ phiếu; Giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu; Mục đích phát hành là bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính và mở rộng hoạt động của doanh nghiệp; Phương án sử dụng tiền từ đợt chào bán: Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ này sẽ được dùng để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành;

+ Đầu tư từ 45% đến 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành với giá mua không cao hơn 20% giá trị định giá của Công ty thẩm định giá độc lập. Tổng vốn đầu tư dự kiến từ 330.000.000.000 VND đến 370.000.000.000 VND;

+ Thoái toàn bộ 51% vốn tương đương 3.060.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần ILA E&C (tên cũ là Công ty Cổ phần Võ Xuân) với giá bán đảm bảo không thấp hơn giá trị công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần ILA E&C;

+ Thoái toàn bộ 98% vốn tương đương 9.800.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần BDLand với giá bán không thấp hơn giá trị định giá của Công ty thẩm định giá độc lập.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

#### 6. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

#### 7. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc công ty, Chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 20 tháng 11 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Đức Anh

Tổng Giám đốc



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: A0721361-SXHN/AISC-TV

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ILA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần ILA và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 20 tháng 11 năm 2021, từ trang 6 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>265.729.492.391</b>	<b>255.631.668.997</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>7.284.608.543</b>	<b>15.353.159.949</b>
1. Tiền	111		7.284.608.543	15.353.159.949
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>148.828.085.950</b>	<b>140.752.973.633</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	46.212.949.227	64.309.516.574
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	56.273.247.528	19.098.431.435
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	46.580.855.079	57.345.025.624
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(238.965.884)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>108.795.263.418</b>	<b>98.660.706.564</b>
1. Hàng tồn kho	141		108.795.263.418	98.660.706.564
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>821.534.480</b>	<b>864.828.851</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	446.970.660	529.637.640
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		358.907.421	320.534.812
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	15.656.399	14.656.399
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>42.167.957.415</b>	<b>64.108.629.385</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>81.777.777</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	81.777.777	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.994.518.625</b>	<b>3.778.957.487</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.416.740.847	3.778.957.487
- Nguyên giá	222		5.604.406.824	5.604.406.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.187.665.977)	(1.825.449.337)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	1.577.777.778	-
- Nguyên giá	225		1.600.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(22.222.222)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	-	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	20.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.091.661.013</b>	<b>40.329.671.898</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	3.535.144.981	4.910.698.176
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.11	33.556.516.032	35.418.973.722
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>307.897.449.806</b>	<b>319.740.298.382</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>86.788.903.271</b>	<b>100.599.904.736</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>85.213.164.457</b>	<b>96.486.046.702</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn		311	V.12	26.923.117.247	42.718.668.983
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.13	5.690.398.502	1.930.062.086
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.14a	3.497.408.760	2.888.100.228
4. Phải trả người lao động		314		220.370.000	267.420.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315		-	26.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.15	790.469.750	2.811.079.686
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.16a,b	48.091.400.198	45.844.715.719
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>1.575.738.814</b>	<b>4.113.858.034</b>
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác		337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.16c	1.384.959.730	4.097.612.523
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		190.779.084	16.245.511
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>221.108.546.535</b>	<b>219.140.393.646</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>221.108.546.535</b>	<b>219.140.393.646</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		169.999.930.000	169.999.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		169.999.930.000	169.999.930.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.276.264.122	15.658.123.629
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.658.123.629	3.241.537.182
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.618.140.493	12.416.586.447
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		33.832.352.413	33.482.340.017
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>307.897.449.806</b>	<b>319.740.298.382</b>

Tp. HCM, ngày 20 tháng 11 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Tổng Giám đốc



Trần Đức Anh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	124.277.404.525	6.581.918.375
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		124.277.404.525	6.581.918.375
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	118.743.453.483	5.593.383.683
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>5.533.951.042</b>	<b>988.534.692</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.552.543.328	581.901
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.450.285.445	34.994.559
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.450.285.445</i>	<i>34.994.559</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.198.670.670	1.835.006.811
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>3.437.538.255</b>	<b>(880.884.777)</b>
12. Thu nhập khác	31		431.592	27.500
13. Chi phí khác	32		45.021.500	17.670.667
<b>14. Lợi nhuận khác</b> (40 = 31 - 32)	<b>40</b>		<b>(44.589.908)</b>	<b>(17.643.167)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>3.392.948.347</b>	<b>(898.527.944)</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.250.261.885	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		174.533.573	41.181.692
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>1.968.152.889</b>	<b>(939.709.636)</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.618.140.493	(931.473.297)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		350.012.396	(8.236.339)
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.8	<b>95</b>	<b>(55)</b>
<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	VI.8	<b>95</b>	<b>(55)</b>

130  
NG  
NH  
FO  
J TH  
H P  
M  
HỒ

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Tp. HCM, ngày 20 tháng 11 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Đức Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.392.948.347	(898.527.944)
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.7,8,11	2.246.896.552	525.558.428
- Các khoản dự phòng	03		238.965.884	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(5.550.000.000)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.450.285.445	34.994.559
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.779.096.228	(337.974.957)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(19.085.228.587)	27.835.143.866
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(10.134.556.854)	49.394.633
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(3.676.360.236)	5.879.209.840
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		1.458.220.175	356.720.361
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.450.285.445)	(34.994.559)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(443.468.373)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(31.552.583.092)</b>	<b>33.747.499.184</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

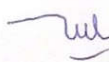
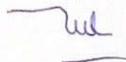
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(24.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		25.550.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>25.550.000.000</b>	<b>(24.600.000.000)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.2	70.146.757.613	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.3	(71.821.614.815)	(152.899.998)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(391.111.112)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.065.968.314)</b>	<b>(152.899.998)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(8.068.551.406)</b>	<b>8.994.599.186</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>15.353.159.949</b>	<b>1.484.468.548</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>7.284.608.543</b>	<b>10.479.067.734</b>

Tp. HCM, ngày 20 tháng 11 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Tuyết Nhung



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/09/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/03/2018. Công ty Cổ phần ILA tăng vốn điều lệ lên 169.999.930.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2018. Công ty Cổ phần ILA thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 29/10/2021.

**Mã chứng khoán:** ILA.

**Tên tiếng Anh:** ILA JOINT STOCK COMPANY.

**Tên viết tắt:** ILA JSC.

**Trụ sở chính:** Số 20 Đường 20, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Tp.HCM.

**Địa chỉ giao dịch:** CH16, Tầng trệt lửng, Tòa nhà Sky Center, 5B Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

**2. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

**3. Hoạt động chính của Công ty**

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp****5.1 Tổng số các Công ty con:**

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 2 công ty con.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.







**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần ILA ("Công ty") và Các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần ILA theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần ILA. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa Công ty con và Công ty Cổ phần ILA.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Nhóm Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại (hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ) phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Nhóm Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

**Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Công ty con**

\* Khi Nhóm Công ty tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

\* Khi giao dịch thoái vốn không làm Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát đối với Công ty con, toàn bộ chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với (+) giá trị phần lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

\* Khi giao dịch thoái vốn dẫn đến việc Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát đối với Công ty con, toàn bộ chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với (+) giá trị phần lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua (phương pháp vốn chủ sở hữu) nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Nhóm Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

**Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư**

Khoản đầu tư mà Nhóm Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ được ghi nhận trên báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính**

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

**6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

**Trường hợp Công ty là bên đem tiền, tài sản đóng góp cho hoạt động BCC:** Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

**BCC phân chia lợi nhuận**

**Trường hợp Công ty nhận lợi nhuận được chia từ BCC**

Nếu BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, Công ty ghi nhận phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC.

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.*

Trang 17

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Nhóm Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ; chi phí thuê kho, công trình nhà văn phòng và cà phê sân vườn.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng phần công trình nhà văn phòng và cà phê sân vườn phân bổ dựa trên hợp đồng thuê đất là 40 tháng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Nhóm Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Nhóm Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Nhóm Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi ngân hàng.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Nhóm Công ty trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Nhóm Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

11/01/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)**

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Năm 2021, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

**16. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**17. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, cho vay.

**Ghi nhận ban đầu****Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**17. Công cụ tài chính (tiếp theo)****Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**18. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**19. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**20. Các nghiệp vụ chuyển nhượng khoản đầu tư**

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2021, Công ty sẽ thực hiện thoái vốn 98% cổ phần (tương đương 9.800.000 cổ phiếu) với giá bán không thấp hơn giá trị định giá của công ty thẩm định giá độc lập.

- Công ty đã hoàn thành việc thỏa thuận chuyển nhượng 3.060.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần ILA E&C cho Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam (Bên liên quan) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 20/2021/HĐCN/ILA-VX ngày 20/11/2021. Tổng giá trị chuyển nhượng theo thỏa thuận không thấp hơn giá mua ban đầu.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2021	01/01/2021
Tiền	7.284.608.543	15.353.159.949
Tiền mặt	3.417.852.783	5.228.587.742
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.866.755.760	10.124.572.207
Cộng	<u>7.284.608.543</u>	<u>15.353.159.949</u>
2. Các khoản đầu tư tài chính (xem trang 39)		



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ Phần Hưng Thịnh Incons	38.830.250.928	-	51.751.176.933	-
Đối tượng khác	7.382.698.299	(238.965.884)	8.558.339.641	-
<b>Cộng</b>	<b>46.212.949.227</b>	<b>(238.965.884)</b>	<b>64.309.516.574</b>	<b>-</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>56.273.247.528</b>	<b>-</b>	<b>19.098.431.435</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Phương Nam Phát (1)	13.700.000.000	-	13.700.000.000	-
Công ty TNHH MTV ĐPA Phương Anh (2)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Ông Võ Xuân Phong (3)	37.100.000.000	-	-	-
Đối tượng khác	473.247.528	-	398.431.435	-
<b>Cộng</b>	<b>56.273.247.528</b>	<b>-</b>	<b>19.098.431.435</b>	<b>-</b>
<b>b. Trả trước người bán là bên liên quan</b>				
Ông Võ Xuân Phong (3)	37.100.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(1) Theo Hợp đồng nguyên tắc số 01.2019/HĐNT-PNP-BD ngày 01/03/2019 được ký kết giữa Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phương Nam Phát và Công ty Cổ phần BDLAND về việc thi công nhà ở liền kề tại khu dân cư Thạnh Phước, tỉnh Bình Dương. Công ty Cổ phần BDLAND đã tạm ứng đợt 1 cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phương Nam Phát với số tiền là 13.700.000.000 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, việc thi công đang được thực hiện theo tiến độ vì dự án đã có giấy phép xây dựng ngày 27/10/2021.

(2) Theo Hợp đồng số 02/HĐKT/2020/PA-BDL ngày 01/04/2020 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV ĐPA Phương Anh và Công ty Cổ phần BDLAND về việc giao nhận thầu thi công cơ sở hạ tầng khu nhà ở ven sông Thạnh Phước. Công ty Cổ phần BDLAND đã tạm ứng đợt 1 cho Công ty TNHH MTV ĐPA Phương Anh với số tiền là 5.000.000.000 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, việc thi công đang được thực hiện theo tiến độ vì dự án đã có giấy phép xây dựng ngày 27/10/2021.

(3) Theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 27/04/2021, Công ty Cổ phần ILA tăng tỷ lệ sở hữu Công ty Cổ phần ILA E&C (tên cũ là Công ty Cổ phần Võ Xuân) từ 51% lên 98% thông qua việc mua lại 47% cổ phần của Ông Võ Xuân Phong và đã thanh toán đầy đủ. Tuy nhiên theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐQT ngày 16/09/2021, Công ty Cổ phần ILA quyết định hủy giao dịch mua 47% cổ phần của Công ty Cổ phần ILA E&C. Ông Võ Xuân Phong đã hoàn lại cho Công ty Cổ phần ILA 37.100.000.000 VND trong tháng 10 năm 2021.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>46.580.855.079</b>	-	<b>57.345.025.624</b>	-
Phải thu khác	29.192.666.673	-	47.605.160.000	-
Bùi Thị Nết	-	-	5.160.000	-
Ông Võ Xuân Phong (1)	19.300.000.000	-	19.300.000.000	-
Bà Lê Thùy Trang (2)	-	-	7.800.000.000	-
Ông Đặng Khắc Nam (3)	9.850.000.006	-	20.500.000.000	-
Thuế GTGT chờ kết chuyển	42.666.667	-	-	-
Tạm ứng (4)	13.808.379.730	-	9.587.604.145	-
Ký cược, ký quỹ	3.579.808.676	-	152.261.479	-
<b>Cộng</b>	<b>46.580.855.079</b>	-	<b>57.345.025.624</b>	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>81.777.777</b>	-	-	-
Thuế GTGT chờ kết chuyển	81.777.777	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>81.777.777</b>	-	-	-
<b>c. Phải thu khác là bên liên quan</b>				
Ông Võ Xuân Phong (1)	19.300.000.000	-	19.300.000.000	-
Bà Lê Thùy Trang (2)	-	-	7.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>19.300.000.000</b>	-	<b>27.100.000.000</b>	-

(1) Ông Võ Xuân Phong thực hiện chuyển nhượng các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại đường số 11, khu phố 9, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức cho Công ty Cổ phần ILA E&C với giá trị 19.300.000.000 VND. Công ty Cổ phần ILA E&Csẽ hoàn tất thủ tục sang tên trong thời gian sớm nhất.

(2) Khoản hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2020/HTĐT ngày 06/08/2020 giữa Công ty Cổ phần ILA E&C và với Bà Lê Thùy Trang đã được thanh lý. Bà Lê Thùy Trang đã hoàn tiền lại cho Công ty trong tháng 6 năm 2021.

(3) Khoản hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2020/HDDT-BD ngày 05/09/2020 giữa Công ty Cổ phần BDLand với Ông Đặng Khắc Nam đã được thanh lý. Ông Đặng Khắc Nam sẽ hoàn lại cho Công ty Cổ phần BDLand phần tiền còn lại trong năm 2021.

(4) Tạm ứng cho người lao động, các chỉ huy trưởng của các công trình để chi lương, chi các chi phí liên quan trực tiếp đến các công trình dở dang.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Hàng tồn kho	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.437.292.068	-	7.365.205.562	-
Công cụ, dụng cụ	2.418.184	-	4.418.184	-
Chi phí SX, KD dở dang (*)	88.897.376.156	-	86.428.090.903	-
Hàng hoá	4.458.177.010	-	4.862.991.915	-
<b>Cộng</b>	<b>108.795.263.418</b>	<b>-</b>	<b>98.660.706.564</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

(\*) Theo Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 26/05/2020 của UBND thị xã Tân Uyên về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở thương mại ven sông Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên và Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 03/06/2020 của UBND thị xã Tân Uyên về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở thương mại ven sông Thạnh Phước, phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên. Dự án đã được cấp phép xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 3428/GPXD ngày 27/10/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương để tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án này tại 30/06/2021 là 56.037.950.000 VND.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	701.591.369	1.053.577.273	3.849.238.182	<b>5.604.406.824</b>
Số dư cuối kỳ	701.591.369	1.053.577.273	3.849.238.182	<b>5.604.406.824</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	70.159.138	399.076.789	1.356.213.410	<b>1.825.449.337</b>
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>35.079.570</i>	<i>81.526.284</i>	<i>245.610.786</i>	<i>362.216.640</i>
Số dư cuối kỳ	105.238.708	480.603.073	1.601.824.196	<b>2.187.665.977</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	631.432.231	654.500.484	2.493.024.772	<b>3.778.957.487</b>
Số dư cuối kỳ	596.352.661	572.974.200	2.247.413.986	<b>3.416.740.847</b>

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 2.387.618.709 VND

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND.

\* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCD ngày 16/11/2021, Công ty sẽ thực hiện thay đổi địa chỉ trụ sở chính về địa chỉ số 620 Phạm Văn Đồng, Khu phố 3, Phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức. Phần giá trị còn lại của tài sản cố định 596.352.661 VND sẽ được thanh lý với bên cho thuê trên cơ sở giá thương lượng giữa hai bên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ		-
<i>Thuê tài chính trong kỳ</i>	1.600.000.000	1.600.000.000
Số dư cuối kỳ	1.600.000.000	1.600.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ		-
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	22.222.222	22.222.222
Số dư cuối kỳ	22.222.222	22.222.222
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	1.577.777.778	1.577.777.778

\* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ: 0 VND.

\* Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Không có.

\* Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Hết thời hạn thuê bên thuê được quyền mua lại tài sản thuê.

**9. Nợ xấu: (xem trang 40)**

	30/06/2021	01/01/2021
<b>10. Chi phí trả trước</b>		
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	446.970.660	529.637.640
Chi phí công cụ dụng cụ	446.970.660	529.637.640
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	3.535.144.981	4.910.698.176
Chi phí công cụ dụng cụ	633.576.155	1.216.682.716
Chi phí thuê kho	614.068.826	949.015.460
Công trình nhà văn phòng và khuôn viên cà phê sân vườn	2.287.500.000	2.745.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.982.115.641</b>	<b>5.440.335.816</b>
<b>11. Lợi thế thương mại</b>		
Số dư đầu kỳ	35.418.973.722	7.136.313.482
Tăng trong kỳ	-	29.319.916.598
Phân bổ trong kỳ	1.862.457.690	1.037.256.358
Số dư cuối kỳ	33.556.516.032	35.418.973.722

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả cho người bán	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngân hàng</b>				
Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam	6.887.823.163	6.887.823.163	-	-
Công ty Cổ phần Hòa Phát Land	6.202.679.916	6.202.679.916	8.368.952.654	8.368.952.654
Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Nam Hiệp Phát	530.431.832	530.431.832	4.837.159.383	4.837.159.383
Công ty TNHH Lê Anh Investment	3.828.719.060	3.828.719.060	6.516.382.636	6.516.382.636
Đối tượng khác	9.473.463.276	9.473.463.276	22.996.174.310	22.996.174.310
<b>Cộng</b>	<b>26.923.117.247</b>	<b>26.923.117.247</b>	<b>42.718.668.983</b>	<b>42.718.668.983</b>
<b>b. Phải trả cho người bán là bên liên quan</b>				
Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam	6.887.823.163	6.887.823.163	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.887.823.163</b>	<b>6.887.823.163</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
			30/06/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Indec			5.406.439.302	-
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận			-	1.646.102.886
Các đối tượng khác			283.959.200	283.959.200
<b>Cộng</b>			<b>5.690.398.502</b>	<b>1.930.062.086</b>
<b>14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>				
	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2021
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	79.237.843	73.029.153	72.304.429	79.962.569
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.610.652.679	1.250.261.885	443.468.373	3.417.446.191
Thuế thu nhập cá nhân	61.200.000	-	61.200.000	-
Các loại thuế khác	137.009.704	6.000.000	143.009.704	-
<b>Cộng</b>	<b>2.888.100.226</b>	<b>1.329.291.038</b>	<b>719.982.506</b>	<b>3.497.408.760</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	14.656.399	-	1.000.000	13.656.399
<b>Cộng</b>	<b>14.656.399</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000</b>	<b>13.656.399</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Phải trả khác	30/06/2021	01/01/2021
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm xã hội	106.003.551	47.959.125
Bảo hiểm y tế	18.706.509	8.463.375
Bảo hiểm thất nghiệp	8.314.004	3.761.500
Khoản phải trả khác	657.445.686	2.750.895.686
Ông Thân Xuân Nghĩa (*)	557.445.686	2.750.895.686
Đối tượng khác	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>790.469.750</b>	<b>2.811.079.686</b>
<b>b. Phải trả khác là bên liên quan</b>		
Ông Thân Xuân Nghĩa (*)	557.445.686	2.750.895.686
<b>Cộng</b>	<b>557.445.686</b>	<b>2.750.895.686</b>

(\*) Theo hợp đồng mượn tiền số 02.2020/BDL ngày 12/12/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01.2020/PL-BDL ngày 10/06/2021, Ông Thân Xuân Nghĩa cho Công ty Cổ phần BDLAND mượn tiền. Thời hạn mượn: 6 tháng. Lãi suất mượn tiền: 0%. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

16. Vay và nợ thuê tài chính	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>47.182.883.518</b>	<b>47.182.883.518</b>	<b>45.456.415.723</b>	<b>45.456.415.723</b>
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN TP.HCM	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN 1 TPHCM (2)	526.663.139	526.663.139	3.807.171.185	3.807.171.185
Ngân hàng TMCP Quân Đội MB Kỳ Đồng (3)	7.510.513.599	7.510.513.599	8.292.524.869	8.292.524.869
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (4.1)	39.145.706.780	39.145.706.780	27.396.719.669	27.396.719.669
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	460.000.000	460.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b. Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</b>	<b>908.516.680</b>	<b>908.516.680</b>	<b>388.299.996</b>	<b>388.299.996</b>
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Sài Gòn (1)	203.866.684	203.866.684	305.799.996	305.799.996
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (5)	37.500.000	37.500.000	82.500.000	82.500.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (4,2)	197.816.664	197.816.664	-	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailase (6)	469.333.332	469.333.332	-	-
<b>c. Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>1.384.959.730</b>	<b>1.384.959.730</b>	<b>4.097.612.523</b>	<b>4.097.612.523</b>
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Sài Gòn (1)	-	-	25.483.353	25.483.353
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (4,2)	485.404.174	485.404.174	782.129.170	782.129.170
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailase (6)	899.555.556	899.555.556	-	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	3.290.000.000	3.290.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.476.359.928</b>	<b>49.476.359.928</b>	<b>49.942.328.242</b>	<b>49.942.328.242</b>

**Thuyết minh các khoản vay ngân hàng**

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank) - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng số 100917/HDTD và phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất: Lãi suất vay năm đầu tiên là 9%/năm. Lãi suất áp dụng từ tháng 13 trở đi bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 13 tháng lãnh cuối kỳ + biên độ 3,6%/năm, lãi suất thay đổi vào đầu mỗi quý 03 tháng của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,6%/năm. Mục đích: Vay mua xe Mercedes Benz 300 AMG 4MATIC. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TPHCM theo hợp đồng cấp tín dụng số 083/2020-HDCVHM ngày 17/08/2020. Hạn mức cho vay: 15.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đăng ký kinh doanh. Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất tại phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (chủ sở hữu: Ông Phạm Hoàng Huy và Bà Hồng Súi Mùi); quyền sử dụng đất tại Thôn Phú Vàng, xã Bình Kiến, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (chủ sở hữu: Ông Nguyễn Duy Giang và Bà Võ Thị Kim Dung); quyền sử dụng đất tại Khu DC Ấp 5, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (chủ sở hữu: Ông Võ Xuân Phong).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Thuyết minh các khoản vay ngân hàng (tiếp theo)**

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội MB Kỳ Đồng theo hợp đồng cấp tín dụng số 73435.20.120.3613604.TD ngày 23/12/2020. Hạn mức cho vay: 10.000.000.000 VND. Hạn mức bảo lãnh: 2.500.000.000 VND. Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán: 17.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: đến ngày 18/12/2021. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây lắp của khách hàng. Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường Trường Thạnh, quận 9, TP.HCM (chủ sở hữu: Ông Võ Xuân Phong và Bà Lê Thùy Trang); quyền đòi nợ hình thành trong tương lai, quyền được thanh toán từ giá trị sản lượng dở dang từ Hợp đồng với khách hàng.

(4.1) Khoản vay Ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 458/2020/HDTD/NOH/01 ngày 15/12/2020. Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đăng ký kinh doanh. Tài sản đảm bảo là: quyền sử dụng đất tại phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất tại phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất tại phường Trường Thạnh, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh của cùng một chủ sở hữu là ông Võ Xuân Phong và Bà Lê Thùy Trang. Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng thi công với khách hàng.

(4.2) Khoản vay Dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 388/2019/HDTD/NOH/01 ngày 23/09/2019. Số tiền vay: 714.400.000 VND. Thời hạn cho vay: 72 tháng. Lãi suất cho vay: 9,25%/năm trong 12 tháng đầu. Mục đích sử dụng vốn vay: mua 01 xe ô tô Ford Ranger phục vụ mục đích vận tải nội bộ của chính doanh nghiệp. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger.

+ Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 388/2019/HDTD/NOH/02 ngày 30/09/2019. Số tiền vay: 315.000.000 VND. Thời hạn cho vay: 48 tháng. Lãi suất cho vay: 8,9%/năm trong 12 tháng đầu. Mục đích sử dụng vốn vay: Mua 01 xe ô tô tải ISUZU Vĩnh Phát phục vụ mục đích vận tải nội bộ của chính doanh nghiệp. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô tải ISUZU Vĩnh Phát.

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức theo hợp đồng cấp tín dụng số 1802-LAV-201601350 ngày 13/10/2016. Số tiền vay: 450.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 60 tháng. Lãi suất cho vay: 8,5%/năm trong 6 tháng đầu. Mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư mua xe ô tô Ford Ranger phục vụ công tác của Công ty. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger hình thành từ vốn vay.

(6) Hợp đồng thuê tài chính số B210425603 ngày 24/05/2021 giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease và Công ty CP ILA E&C. Tài sản thuê tài chính: Máy đào bánh xích hiệu Hitachi, biển số HCM1VA00C00031784. Tổng giá trị tài sản: 1.760.000.000 VND (Đã gồm 10% VAT), trả trước: 352.000.000 VND, giá trị thuê: 1.408.000.000 VND, ký cược đảm bảo: 10% giá mua. Thời hạn thuê: 36 tháng, bắt đầu từ ngày 07/06/2021. Phương thức thanh toán: Hằng tháng trả sau. Lãi suất: 10,69%/năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	169.999.930.000	3.241.537.182	50.023.600.831	223.265.068.013
Giảm do hợp nhất	-	(98.465.552)	(46.901.534.448)	(47.000.000.000)
Lãi trong kỳ	-	(931.473.297)	(8.236.339)	(939.709.636)
Số dư tại 30/06/2020	169.999.930.000	2.211.598.333	3.113.830.044	175.325.358.377
Số dư tại 01/01/2021	169.999.930.000	15.658.123.629	33.482.340.017	219.140.393.646
Lãi trong kỳ	-	1.618.140.493	350.012.396	1.968.152.889
Số dư tại 30/06/2021	169.999.930.000	17.276.264.122	33.832.352.413	221.108.546.535

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2021	01/01/2021
Vốn góp của các cổ đông	169.999.930.000	169.999.930.000
<b>Cộng</b>	<b>169.999.930.000</b>	<b>169.999.930.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu****và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	169.999.930.000	169.999.930.000
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>169.999.930.000</i>	<i>169.999.930.000</i>
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>169.999.930.000</i>	<i>169.999.930.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.999.993	16.999.993
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.999.993	16.999.993
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>16.999.993</i>	<i>16.999.993</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.999.993	16.999.993
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>16.999.993</i>	<i>16.999.993</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
<b>I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	7.789.740.400	5.648.087.660
Doanh thu xây dựng	116.487.664.125	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	933.830.715
<b>Cộng</b>	<b>124.277.404.525</b>	<b>6.581.918.375</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.273.941.900	5.593.383.683
Giá vốn xây dựng	111.469.511.583	-
<b>Cộng</b>	<b>118.743.453.483</b>	<b>5.593.383.683</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>06 tháng đầu năm 2021</b>	<b>06 tháng đầu năm 2020</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.543.328	581.901
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	5.550.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.552.543.328</b>	<b>581.901</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>06 tháng đầu năm 2021</b>	<b>06 tháng đầu năm 2020</b>
Lãi tiền vay	2.450.285.445	34.994.559
<b>Cộng</b>	<b>2.450.285.445</b>	<b>34.994.559</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>06 tháng đầu năm 2021</b>	<b>06 tháng đầu năm 2020</b>
Chi phí nhân viên	1.042.655.682	538.950.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	571.906.533	369.772.179
Chi phí khấu hao TSCĐ	241.675.206	129.096.568
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	1.862.457.690	396.461.860
Thuế, phí, lệ phí	40.638.176	24.534.648
Chi phí dự phòng	238.965.884	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.455.655	255.515.663
Chi phí bằng tiền khác	815.915.844	120.675.893
<b>Cộng</b>	<b>5.198.670.670</b>	<b>1.835.006.811</b>
<b>6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>06 tháng đầu năm 2021</b>	<b>06 tháng đầu năm 2020</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.684.734.308	454.522.179
Chi phí nhân công	19.293.246.310	454.200.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	384.438.862	129.096.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.919.203.873	255.515.663
Chi phí khác	1.524.101.210	145.210.541
<b>Cộng</b>	<b>114.805.724.563</b>	<b>1.438.544.951</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.250.261.885	-
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
<b>3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.250.261.885</b>	<b>-</b>
<b>8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>06 tháng đầu năm 2021</b>	<b>06 tháng đầu năm 2020</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.618.140.493	(931.473.297)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.618.140.493	(931.473.297)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.999.993	16.999.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	95	(55)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	95	(55)

**11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**11.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và ngày 30 tháng 06 năm 2020.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)***Độ nhạy đối với lãi suất*

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Nhóm Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

**11.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng và công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**11.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30 tháng 06 năm 2021	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	48.091.400.198	1.384.959.730	-	49.476.359.928
Phải trả người bán	26.923.117.247	-	-	26.923.117.247
Các khoản phải trả, phải nộp khác	657.445.686	-	-	657.445.686
<b>Cộng</b>	<b>75.671.963.131</b>	<b>1.384.959.730</b>	<b>-</b>	<b>77.056.922.861</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>				
Các khoản vay và nợ	45.844.715.719	4.097.612.523	-	49.942.328.242
Phải trả người bán	42.718.668.983	-	-	42.718.668.983
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.776.895.686	-	-	2.776.895.686
<b>Cộng</b>	<b>91.340.280.388</b>	<b>4.097.612.523</b>	<b>-</b>	<b>95.437.892.911</b>

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

**Tài sản đảm bảo**

Nhóm Công ty đã sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Mercedes Benz làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank) - Chi nhánh Sài Gòn (Thuyết minh số V.16).

Nhóm Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất tại phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (chủ sở hữu: Ông Phạm Hoàng Huy và Bà Hồng Súi Múi); quyền sử dụng đất tại Thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (chủ sở hữu: Ông Nguyễn Duy Giang và Bà Võ Thị Kim Dung); quyền sử dụng đất tại Khu DC Ấp 5, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương (chủ sở hữu: Ông Võ Xuân Phong) làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM (Thuyết minh số V.16).

Nhóm Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Phường Trường Thạnh, Quận 9, TP.HCM (chủ sở hữu: Ông Võ Xuân Phong và Bà Lê Thùy Trang) làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội MB Kỳ Đồng (Thuyết minh số V.16).

Nhóm Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất tại phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất tại phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất tại phường Trường Thạnh, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh cùng thuộc một chủ sở hữu là Ông Võ Xuân Phong và Bà Lê Thùy Trang làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Thuyết minh số V.16).

Nhóm Công ty đã sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Ford làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (Thuyết minh số V.16).

Nhóm Công ty đã sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Ford, xe ô tô tài ISUZU Vĩnh Phát làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Thuyết minh số V.16).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:** Xem trang 41

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

+ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khác ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, vay và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

+ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng.

+ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

+ Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****1. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Không phát sinh.

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
<b>2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	70.146.757.613	-
<b>3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(71.821.614.815)	(152.899.998)
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	(391.111.112)	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Nhóm công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021, khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2021	01/01/2021
Dưới 1 năm	222.000.000	348.000.000
Trên 1 năm đến dưới 5 năm	792.000.000	976.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.014.000.000</b>	<b>1.324.000.000</b>

Ngoại trừ các khoản cam kết thuê hoạt động trên, không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính quan trọng nào khác kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có phát sinh các sự kiện sau đây:

Vào ngày 29 tháng 09 năm 2021, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp đăng ký thay đổi lần thứ 13, thay đổi người đại diện theo pháp luật hiện tại là Ông Trần Đức Anh giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thay thế cho Bà Trần Thị Thu Hà.

Công ty đã hoàn thành việc thỏa thuận chuyển nhượng 3.060.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần ILA E&C cho Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam (Bên liên quan) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 20/2021/HDCN/ILA-VX ngày 20/11/2021. Tổng giá trị chuyển nhượng theo thỏa thuận không thấp hơn giá mua ban đầu.

Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 16/11/2021. Nội dung cuộc họp đã được thông qua theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 16/11/2021 như sau:

+ Thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty về 620 Phạm Văn Đồng, Khu phố 3, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh;

+ Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021;

+ Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Cát. Số lượng cổ phiếu chào bán là 17.000.000 cổ phần; Giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu; Mục đích phát hành là bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính và mở rộng hoạt động của doanh nghiệp; Phương án sử dụng tiền từ đợt chào bán: Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ này sẽ được dùng để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành.

+ Đầu tư từ 45% đến 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành với giá mua không cao hơn 20% giá trị định giá của Công ty thẩm định giá độc lập. Tổng vốn đầu tư dự kiến từ 330.000.000.000 VND đến 370.000.000.000 VND;

+ Thoái toàn bộ 98% vốn tương đương 9.800.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần BDLand với giá bán không thấp hơn giá trị định giá của Công ty thẩm định giá độc lập.

Ngoài ra, không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quan trọng nào khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. Giao dịch với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan trong kỳ****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần BDLand

Công ty Cổ phần ILA E&amp;C

Ông Thân Xuân Nghĩa

Ông Đặng Xuân Hữu

Ông Võ Xuân Phong

Bà Lê Thùy Trang

Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam

**Mối quan hệ**

Công ty con

Công ty con

Chủ tịch HĐQT

Phó Tổng Giám Đốc

Phó Tổng Giám Đốc

Bên liên quan

Bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

**Mua hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ**

Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam

06 tháng đầu  
năm 2021

16.301.843.216

**16.301.843.216**

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Trả trước cho người bán

30/06/2021

01/01/2021

Ông Võ Xuân Phong

37.100.000.000

-

**Cộng****37.100.000.000****-**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	30/06/2021	01/01/2021
<b>Phải thu khác</b>		
Ông Võ Xuân Phong	19.300.000.000	19.300.000.000
Bà Lê Thùy Trang	-	7.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.300.000.000</b>	<b>27.100.000.000</b>
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam	6.887.823.163	-
<b>Cộng</b>	<b>6.887.823.163</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả khác</b>		
Ông Thân Xuân Nghĩa	557.445.686	2.750.895.686
<b>Cộng</b>	<b>557.445.686</b>	<b>2.750.895.686</b>
	<b>06 tháng đầu năm 2021</b>	<b>06 tháng đầu năm 2020</b>
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>		
Hội đồng Quản trị Lương và thưởng	36.000.000	72.000.000
Ban Tổng Giám đốc Lương và thưởng	227.362.308	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>263.362.308</b>	<b>372.000.000</b>

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

**a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Thương mại và Xây dựng. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Thương mại	7.789.740.400	7.273.941.900	515.798.500
Xây dựng	116.487.664.125	111.469.511.583	5.018.152.542
<b>Cộng</b>	<b>124.277.404.525</b>	<b>118.743.453.483</b>	<b>5.533.951.042</b>

**b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2020**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Thương mại và Xây dựng. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Thương mại	5.648.087.660	5.593.383.683	54.703.977
Dịch vụ	933.830.715	-	933.830.715
<b>Cộng</b>	<b>6.581.918.375</b>	<b>5.593.383.683</b>	<b>988.534.692</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Thông tin về hoạt động liên tục:**

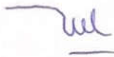
Công ty vẫn tiếp tục các hoạt động kinh doanh bình thường và liên tục trong tương lai.

Tp. HCM, ngày 20 tháng 11 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Trần Đức Anh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.2. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TTD (1)	-	-	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần JP Win (2)	-	-	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Logistics GLG Đồng Nai (3)	-	-	-	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	-	-	-	<b>20.000.000.000</b>

(1) Công ty thoái 18% phần vốn góp còn lại tại Công ty Cổ phần TTD theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HDQT ngày 31/05/2021 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 17/2021/HDCN/ILA-TTD ngày 01/06/2021.

(2) Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần JP Win theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HDQT ngày 31/05/2021 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 18/2021/HDCN/ILA-JPW ngày 02/06/2021.

(3) Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Logistics GLG Đồng Nai theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HDQT ngày 31/05/2021 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 19/2021/HDCN/ILA-GLG ngày 03/06/2021.

(\*) Cơ sở xác định giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý tại thời điểm 30/06/2021 của các khoản đầu tư vào đơn vị chưa đại chúng không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này. Do vậy, Công ty tạm trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư bằng giá trị ghi sổ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VI.12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số				Giá trị hợp lý	
	30/06/2021	Dự phòng	Giá trị	31/12/2020	30/06/2021	31/12/2020
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Phải thu khách hàng	46.212.949.227	(238.965.884)	64.309.516.574	-	45.973.983.343	64.309.516.574
- Phải thu khác	3.579.808.676	-	152.261.479	-	3.579.808.676	152.261.479
- Tiền và các khoản tương đương tiền	7.284.608.543	-	15.353.159.949	-	7.284.608.543	15.353.159.949
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.077.366.446</b>	<b>(238.965.884)</b>	<b>79.814.938.002</b>	<b>-</b>	<b>56.838.400.562</b>	<b>79.814.938.002</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ	49.476.359.928	-	49.942.328.242	-	49.476.359.928	49.942.328.242
- Phải trả người bán	26.923.117.247	-	42.718.668.983	-	26.923.117.247	42.718.668.983
- Phải trả khác	657.445.686	-	2.750.895.686	-	657.445.686	2.750.895.686
- Chi phí phải trả	-	-	26.000.000	-	-	26.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>77.056.922.861</b>	<b>-</b>	<b>95.437.892.911</b>	<b>-</b>	<b>77.056.922.861</b>	<b>95.437.892.911</b>